

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRIỀU TIÊN
VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VÀ PHÁP LÝ
TRONG CÁC VẤN ĐỀ DÂN SỰ VÀ HÌNH SỰ

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (sau đây gọi là "các Bên ký kết"),

Với mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự,

Đã thoả thuận những điều sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1
Bảo hộ pháp lý

1. Công dân của Bên ký kết này được hưởng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sự bảo hộ pháp lý về các quyền nhân thân và tài sản mà Bên ký kết kia dành cho công dân của nước mình.
2. Các quy định tại Khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với các pháp nhân được thành lập theo pháp luật của một Bên ký kết và có trụ sở trên lãnh thổ của Bên ký kết này.
3. Trong Hiệp định này, khái niệm "Các vấn đề dân sự" được hiểu bao gồm cả các vấn đề thương mại, gia đình và lao động.

Điều 2
Tương trợ tư pháp

1. Công dân và pháp nhân của Bên ký kết này được hưởng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sự trợ giúp pháp lý theo cùng những điều kiện áp dụng cho công dân và pháp nhân của Bên ký kết kia.

2. Các Bên ký kết tiến hành tương trợ tư pháp đối với các lĩnh vực liên quan thông qua các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự, bao gồm các toà án và cơ quan kiểm sát.

Điều 3

Phạm vi tương trợ tư pháp

Theo yêu cầu pháp luật của các Bên ký kết, tương trợ tư pháp theo quy định của Hiệp định này bao gồm:

- 1) Thực hiện các hành vi tố tụng bao gồm lấy lời khai của đương sự, bị cáo, người làm chứng, người giám định và người bị hại,
- 2) Cung cấp thông tin và tài liệu về các vụ việc,
- 3) Thi hành yêu cầu về truy tìm, bắt giữ và cung cấp chứng cứ,
- 4) Công nhận và thi hành quyết định, bản án của Toà án về các vấn đề dân sự, các phán quyết và quyết định của Trọng tài.
- 5) Điều tra, bắt giữ người phạm tội và chuyển giao.

Điều 4

Thủ tục liên hệ để thực hiện tương trợ tư pháp

1. Khi có yêu cầu tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự, Toà án, các cơ quan có thẩm quyền khác của các Bên ký kết liên hệ với nhau thông qua Cơ quan trung ương của nước mình.

2. Về phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan Trung ương là Bộ Tư pháp đối với các vấn đề về dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với các vấn đề hình sự và dẫn độ.

Về phía Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Cơ quan Trung ương là Toà án Trung ương và Viện Công tố Trung ương.

Điều 5

Ngôn ngữ sử dụng trong tương trợ tư pháp

Cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết sử dụng ngôn ngữ của nước mình hoặc tiếng Anh khi liên hệ với nhau về các vấn đề được quy định trong Hiệp định này.

Điều 6

Hình thức và nội dung của yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp được lập thành văn bản, bằng ngôn ngữ của Bên ký kết yêu cầu và được dịch sang tiếng Anh.

Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải có những nội dung chính sau:

- 1) Tên của cơ quan yêu cầu và cơ quan được yêu cầu,
- 2) Tên của vụ việc được yêu cầu và nội dung chi tiết của yêu cầu,
- 3) Họ tên, ngày sinh, giới tính, nơi sinh, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi thường trú hoặc tạm trú của những người có liên quan đến vụ việc,
- 4) Tên và địa chỉ của pháp nhân,
- 5) Tên và địa chỉ của đại lý,
- 6) Tên của các giấy tờ được tổng đạt,
- 7) Đối với vụ việc về hình sự, còn phải miêu tả cả tội phạm, những quy định pháp luật có liên quan và nêu rõ tội danh.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải được người đại diện có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu ký và đóng dấu chính thức.

3. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải được kèm cùng những tài liệu và dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu.

Điều 7

Chứng nhận và tổng đạt giấy tờ

1. Các giấy tờ được lập chính thức trên lãnh thổ của Bên ký kết này, các bản sao và bản dịch các giấy tờ đó đã được chứng thực được công nhận trên lãnh thổ của Bên ký kết kia nếu những giấy tờ này được ký hợp lệ và đóng dấu chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các Bên ký kết tổng đạt giấy tờ qua các Cơ quan trung ương được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Hiệp định này.

3. Cơ quan đại diện ngoại giao và Cơ quan Lãnh sự của Bên ký kết này với sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại có quyền tổng đạt giấy tờ toà án và các loại giấy tờ khác cho công dân và pháp nhân của nước mình trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, một cách trực tiếp và không áp dụng biện pháp cưỡng chế.

21

Điều 8

Thẩm quyền của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự

Theo các quy định về tương trợ tư pháp trong Hiệp định này, Cơ quan đại diện ngoại giao và Cơ quan lãnh sự của một Bên ký kết cũng có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu về tương trợ tư pháp.

Điều 9

Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp và thông báo kết quả

1. Sau khi thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp một cách chính xác và đúng hạn, cơ quan được yêu cầu có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan yêu cầu bằng văn bản kết quả của việc thực hiện cùng các giấy tờ xác nhận thời gian và địa điểm đã thực hiện yêu cầu.

Giấy tờ xác nhận phải có chữ ký và được đóng dấu chính thức của cơ quan đã thực hiện yêu cầu.

2. Cơ quan được yêu cầu của Bên ký kết này có thể đề nghị cơ quan yêu cầu của Bên ký kết kia về việc bổ sung những dữ liệu cần thiết trong trường hợp khó thực hiện được yêu cầu do địa chỉ không rõ ràng hoặc vì bất cứ lý do nào khác.

3. Khi thực hiện yêu cầu về tổng đạt giấy tờ, văn bản xác nhận phải có chữ ký của người nhận, ngày và nơi nhận cũng như chữ ký của người tổng đạt, trong trường hợp người từ chối nhận thì cần ghi rõ lý do trong văn bản xác nhận.

Điều 10

Từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp

Trong trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, Bên ký kết được yêu cầu có nghĩa vụ thông báo cho Bên ký kết yêu cầu lý do và phải trả lại toàn bộ giấy tờ cũng như văn bản yêu cầu.

Bên ký kết được yêu cầu có thể từ chối thực hiện yêu cầu trong những trường hợp sau:

- 1) Việc thực hiện yêu cầu của Bên ký kết yêu cầu có thể làm tổn hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, chế độ nhà nước, trật tự xã hội, hoặc trái với pháp luật trong nước của Bên ký kết được yêu cầu.
- 2) Cơ quan được yêu cầu của một Bên ký kết không có thẩm quyền thực hiện yêu cầu, cũng như không thể chuyển giao yêu cầu này cho bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào khác.

Điều 11

Triệu tập người làm chứng và người giám định

1. Trong quá trình điều tra sơ bộ hoặc thẩm vấn tại Toà án, Bên ký kết này có thể gửi giấy triệu tập cho Bên ký kết kia để yêu cầu công dân của nước đó đến làm chứng hoặc làm người giám định
2. Bên ký kết được yêu cầu, khi nhận được giấy triệu tập phải tổng đạt cho các công dân có liên quan.
3. Trong giấy triệu tập không được đưa ra chế tài áp dụng đối với người được triệu tập trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập.

Điều 12

Bảo vệ người làm chứng và người giám định

1. Các thủ tục tố tụng hình sự cũng như hành chính không được áp dụng để chống lại người làm chứng hoặc người giám định đã có mặt theo yêu cầu triệu tập của một Bên ký kết vì một hành vi đã phạm trước khi qua biên giới của Bên ký kết yêu cầu, và họ cũng không thể bị bắt.
2. Trừ trường hợp người làm chứng hoặc người giám định không thể rời khỏi lãnh thổ của một Bên ký kết vì lý do khách quan, họ sẽ bị mất quyền được bảo vệ nếu không rời khỏi lãnh thổ nước này trong vòng 15 ngày kể từ ngày được thông báo việc có mặt của họ là không cần thiết nữa hoặc người đó phải trở về nước.
3. Cơ quan đã triệu tập người làm chứng và người giám định có nghĩa vụ thông báo cho họ bằng văn bản nội dung của khoản 1 và khoản 2 Điều này trước khi thẩm vấn họ lần đầu tiên.

Điều 13

Chuyển giao người đang thực hiện án tù được yêu cầu làm chứng hoặc giám định

1. Trong trường hợp bất cứ một Bên ký kết nào yêu cầu triệu tập một tù nhân với tư cách là người làm chứng hoặc người giám định, Bên ký kết kia có nghĩa vụ chuyển giao người này với điều kiện có sự đồng ý của người đó và Bên ký kết yêu cầu chuyển giao có nghĩa vụ chuyển giao lại người này trong thời hạn đã thoả thuận.
2. Người đang thực hiện án tù được chuyển giao để có mặt với tư cách là người

làm chứng hoặc người giám định không được khấu trừ thời gian chuyển giao vào thời hạn tù.

3. Bên ký kết được yêu cầu chuyển giao người đang thực hiện án tù có thể từ chối việc chuyển giao với những điều kiện sau:

1) Nếu Bên được yêu cầu thấy rằng cần thiết phải giữ người được yêu cầu chuyển giao trong phạm vi lãnh thổ nước mình.

2) Nếu không thể chuyển giao người đó vì lý do đặc biệt.

Điều 14

Chi phí tương trợ tư pháp

1. Công dân của Bên ký kết này được miễn án phí trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo cùng những điều kiện như công dân và pháp nhân của Bên ký kết kia.

2. Các Bên ký kết không được đòi hỏi bất cứ nghĩa vụ hoặc khoản chi phí nào về việc gửi, nhận và giải quyết văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp.

3. Bên ký kết yêu cầu phải chịu các khoản chi phí về đi lại, tiền ăn, tiền lưu trú ở nước ngoài của người được yêu cầu có mặt để làm chứng hoặc giám định, cũng như khoản tiền lương không được nhận trong khoảng thời gian họ nghỉ việc.

Trong giấy triệu tập phải ghi rõ các khoản tiền mà những người được triệu tập có quyền hưởng.

Cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết có thể phải ứng trước tiền để thanh toán các khoản chi phí thích ứng.

Điều 15

Pháp luật được áp dụng trong việc thực hiện tương trợ tư pháp

1. Khi thực hiện tương trợ tư pháp, Cơ quan được yêu cầu áp dụng pháp luật của nước mình.

2. Theo yêu cầu của Bên ký kết yêu cầu, Cơ quan được yêu cầu có thể áp dụng những quy định về tố tụng của Bên ký kết yêu cầu khi thực hiện tương trợ tư pháp, nếu những quy định này không trái với pháp luật của nước mình.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

PHẦN I TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ

Điều 16 **Miễn cước án phí**

Công dân của Bên ký kết này được miễn cước án phí trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo cùng những điều kiện như công dân của Bên ký kết kia.

Điều 17 **Cung cấp và gửi giấy tờ**

Các giấy tờ liên quan đến tình trạng nhân thân và những thông tin cá nhân khác cần thiết cho việc giải quyết vụ việc sẽ được Bên ký kết nơi người đó thường trú hoặc tạm trú, cung cấp và được gửi cho Bên ký kết yêu cầu.

Điều 18 **Năng lực pháp luật và năng lực hành vi**

1. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của một cá nhân được xác định theo pháp luật của Bên ký kết mà người đó là công dân.
2. Năng lực pháp luật của pháp nhân được xác định theo pháp luật của Bên ký kết nơi pháp nhân được thành lập.

Điều 19 **Tuyên bố người bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi**

Nếu Hiệp định này không có quy định khác, thì việc tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi thuộc thẩm quyền của Tòa án của Bên ký kết mà người đó là công dân. Tòa án áp dụng pháp luật của nước mình.

Điều 20

Công nhận một người mất tích, chết và xác nhận sự kiện chết

1. Việc công nhận một người mất tích, chết và xác nhận sự kiện chết thuộc thẩm quyền giải quyết và theo pháp luật của Bên ký kết mà người đó là công dân khi còn sống.
2. Cơ quan tư pháp của các Bên ký kết có thẩm quyền công nhận sự chết hoặc mất tích và xác nhận sự kiện chết của công dân của Bên ký kết kia đang thường trú hoặc tạm trú trên lãnh thổ nước mình.

Điều 21

Kết hôn

Về điều kiện kết hôn mỗi bên đương sự tuân theo pháp luật của Bên ký kết mà người đó là công dân.

Nghi thức kết hôn tuân theo pháp luật của Bên ký kết nơi tiến hành kết hôn.

Điều 22

Ly hôn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật, quan hệ nhân thân và tài sản của vợ chồng

1. Việc ly hôn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật, quan hệ nhân thân và tài sản của vợ chồng phải tuân theo pháp luật và thuộc thẩm quyền của Tòa án của Bên ký kết mà cặp vợ chồng đều là công dân.
2. Trong trường hợp hai vợ chồng không cùng quốc tịch, các vụ việc trên được giải quyết theo pháp luật và thuộc thẩm quyền của Tòa án của Bên ký kết nơi họ thường trú cuối cùng. Nếu vợ chồng không có nơi thường trú chung, thì Tòa án của Bên ký kết nơi nhận được đơn yêu cầu đầu tiên giải quyết theo pháp luật nước mình.

Điều 23

Quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ và con

1. Vấn đề xác nhận cha, mẹ, con và các tranh chấp có liên quan cũng như quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ và con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tuân theo pháp luật của Bên ký kết mà người con là công dân.

Điều 24

Giám hộ và trợ tá

Việc giám hộ và trợ tá của công dân của các Bên ký kết được cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết mà người cần được giám hộ hoặc trợ tá là công dân giải quyết theo pháp luật nước đó.

Điều 25

Xử lý di sản

1. Trong trường hợp công dân của Bên ký kết này chết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia phải thông báo ngay cho Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Bên ký kết này đồng thời chuyển giao di sản của người chết và các giấy tờ kèm theo.
2. Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Bên ký kết mà người chết là công dân tại nơi có di sản phải áp dụng các biện pháp để bảo vệ và quản lý di sản của người chết và có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến di sản người chết mà không cần bất cứ thư uỷ quyền nào của người đại diện.

Điều 26

Thừa kế

1. Quan hệ thừa kế được xác định theo pháp luật của Bên ký kết mà người để lại di sản là công dân vào thời điểm người đó chết.
2. Trong trường hợp không có người thừa kế, di sản sẽ được chuyển giao cho Bên ký kết mà người để lại là công dân vào thời điểm người đó chết.
3. Quan hệ pháp lý về thừa kế bất động sản được xác định theo pháp luật của Bên ký kết nơi có bất động sản và việc thừa kế được giải quyết theo pháp luật nước này.

Điều 27

Sự hợp pháp của di chúc

Việc lập và huỷ bỏ di chúc được coi là hợp pháp nếu tuân theo hình thức và thủ tục được pháp luật của Bên ký kết mà người lập di chúc là công dân quy định.

Di chúc cũng được coi là hợp pháp nếu phù hợp với hình thức và thủ tục được

pháp luật của Bên ký kết nơi lập di chúc quy định.

Điều 28

Hợp đồng

1. Hình thức của hợp đồng tuân theo pháp luật của một Bên ký kết được ghi nhận trong hợp đồng.

Trong trường hợp các bên giao kết không lựa chọn thì hình thức hợp đồng tuân theo pháp luật của Bên ký kết nơi giao kết hợp đồng.

2. Nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước mà các bên giao kết đã lựa chọn.

Nếu trường hợp các bên giao kết không lựa chọn pháp luật áp dụng, pháp luật của Bên ký kết nơi người có nghĩa vụ chính cư trú, hoặc hợp đồng được giao kết, hoặc hợp đồng được thực hiện sẽ được áp dụng.

Việc xác lập hợp đồng kinh doanh phải tuân theo pháp luật của Bên ký kết nơi thành lập doanh nghiệp.

3. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuộc thẩm quyền của Tòa án của Bên ký kết nơi bị đơn cư trú hoặc có trụ sở.

Trong trường hợp đối tượng của tranh chấp hoặc tài sản của bị đơn nằm trên lãnh thổ nơi nguyên đơn cư trú hoặc có trụ sở thì Tòa án của Bên ký kết đó sẽ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Điều 29

Các vấn đề về hợp đồng lao động

1. Các bên tham gia hợp đồng lao động có thể lựa chọn pháp luật áp dụng đối với các quan hệ lao động giữa họ với nhau.

2. Nếu các bên không lựa chọn được pháp luật áp dụng thì pháp luật của Bên ký kết nơi thực hiện công việc sẽ được áp dụng để giải quyết vấn đề hiệu lực, sửa đổi, chấm dứt (huỷ bỏ) hợp đồng lao động và các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng lao động đó.

3. Tòa án của Bên ký kết nơi công việc đã, đang hoặc cần được thực hiện có thẩm quyền giải quyết các vấn đề nêu tại khoản 2 của Điều này.

Trong trường hợp đối tượng của tranh chấp hoặc tài sản của bị đơn nằm trên lãnh thổ nơi nguyên đơn cư trú hoặc có trụ sở, Tòa án của Bên ký kết đó sẽ có thẩm quyền giải quyết đối với hợp đồng.

Thẩm quyền trên của Tòa án có thể thay đổi thông qua thoả thuận bằng văn bản của các bên giao kết hợp đồng lao động.

Điều 30

Công nhận và thi hành bản án, quyết định

Các Bên ký kết, theo quy định của Hiệp định này, công nhận và thi hành các bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật, phần quyết định về bồi thường thiệt hại dân sự trong bản án hình sự và các quyết định trọng tài trong các vụ việc về dân sự.

1. Quyết định hoặc bản án của Bên ký kết này được công nhận và thi hành trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo những điều kiện sau:

- 1) Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và phải thi hành theo pháp luật của Bên ký kết đã tuyên bản án, quyết định đó.
- 2) Bản án, quyết định không trái với chế độ nhà nước và đạo đức chung.

2. Bên ký kết đã tuyên bản án, quyết định phải gửi cho Bên ký kết nơi thi hành bản án, quyết định một văn bản xác nhận rằng bản gốc và bản sao đang có hiệu lực pháp luật và cần phải được thi hành.

3. Tòa án của Bên ký kết này áp dụng pháp luật nước mình khi thi hành bản án, quyết định của Bên ký kết kia.

4. Bên ký kết đã thi hành bản án, quyết định có nghĩa vụ thông báo kết quả thi hành và đồng thời gửi bản sao văn bản thi hành cho Bên ký kết kia.

PHẦN 2

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ HÌNH SỰ

Điều 31

Các lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự

Bên ký kết này, theo yêu cầu của Bên ký kết kia thực hiện các tương trợ tư pháp trong việc giải quyết vụ việc hình sự như: điều tra, bắt giữ, thẩm tra, dẫn độ người bị nghi là phạm tội, bị buộc tội và bị kết án phạt tù, thi hành bản án và cung cấp các dữ liệu, tài liệu có liên quan đến vụ án hình sự.

Điều 32

Điều tra người bị nghi phạm tội hình sự

Bên ký kết này, theo yêu cầu, giúp đỡ Bên ký kết kia trong việc điều tra người bị nghi phạm tội, tích cực hợp tác và thông báo cho nhau kết quả cùng với các dữ liệu và thông tin khác.

Văn bản yêu cầu điều tra tội phạm hình sự bao gồm những nội dung sau:

- 1) Các dữ liệu có liên quan đến nhân thân người phạm tội.
- 2) Nơi thường trú hoặc tạm trú của người bị yêu cầu điều tra.
- 3) Bản văn luật có liên quan đến tội phạm.
- 4) Bằng chứng cần điều tra.
- 5) Hình dạng, đặc điểm nhận dạng, ảnh và vân tay của tội phạm.

Điều 33

Nghĩa vụ dẫn độ

1. Các Bên ký kết, theo các quy định của Điều này, có nghĩa vụ dẫn độ cho nhau người hiện đang có mặt trên lãnh thổ nước mình bị nghi phạm tội, đang bị truy tố và đã bị kết án theo yêu cầu của Bên ký kết kia.

2. Nghĩa vụ dẫn độ được thực hiện trong trường hợp:

- 1) Bên ký kết yêu cầu dẫn độ có quyền xét xử và trừng phạt người bị yêu cầu về hành vi phạm tội của người này,
 - 2) Theo pháp luật của cả Bên ký kết yêu cầu và Bên ký kết được yêu cầu, hành vi của người được yêu cầu dẫn độ đều là tội phạm và bị kết án phạt tù từ một năm trở lên,
 - 3) Việc chuyển giao một người bị kết án tù về nước người đó để thi hành án theo yêu cầu của nước mà người đó là công dân sẽ được thực hiện nếu thời gian người đó còn phải chấp hành án từ 06 tháng trở lên.
- Người bị kết án tù trong tiểu mục này được hiểu là người đã bị kết án tù và người bỏ trốn trước thời hạn thi hành hình phạt hoặc người đã bị kết án tù và đang chấp hành hình phạt của Bên ký kết kia.

Điều 34

Từ chối dẫn độ

Việc dẫn độ sẽ bị từ chối trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của Bên ký kết được yêu cầu,
2. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự không thể tiến hành theo pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu hoặc đã hết thời hiệu cũng như vụ án không được xét xử.

Điều 35 **Hoãn dẫn độ**

Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đang phải tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự vì một tội phạm khác với tội phạm là căn cứ để yêu cầu dẫn độ, việc dẫn độ có thể bị hoãn lại.

Điều 36 **Yêu cầu dẫn độ**

Bên ký kết yêu cầu dẫn độ phải gửi cho Bên ký kết kia văn bản yêu cầu.

1. Văn bản yêu cầu dẫn độ cần có nội dung sau đây:

- 1) Văn bản yêu cầu dẫn độ để truy tố hình sự phải có bản sao lệnh bắt người, các dữ liệu về người bị nghi là tội phạm, điều khoản pháp luật được áp dụng, các chứng cứ buộc tội. Văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án phải kèm theo bản sao của bản án hình sự có hiệu lực pháp luật và điều khoản pháp luật quy định về tội phạm.

Khi yêu cầu dẫn độ người phạm tội đã bị tuyên án và đã chấp hành được một phần hình phạt, văn bản yêu cầu phải ghi rõ các chi tiết có liên quan đến việc thi hành hình phạt, cách thức thi hành hình phạt, thời hạn tù.

- 2) Văn bản yêu cầu dẫn độ phải bao gồm nội dung về nhân thân, hình dạng, nơi thường trú hoặc tạm trú của người bị yêu cầu dẫn độ, cũng như ảnh, vân tay của người đó, nếu có thể.

2. Bên ký kết yêu cầu dẫn độ, theo yêu cầu phải cho người tiếp nhận cũng như bổ sung các dữ liệu cần thiết cho việc bắt giữ và dẫn độ trong vòng 30 ngày.

Điều 37 **Bắt giữ người bị yêu cầu dẫn độ**

1. Khi nhận được văn bản yêu cầu dẫn độ, Bên ký kết được yêu cầu cần tiến hành ngay các biện pháp để bắt giữ người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của

Hiệp định này.

2. Nếu Bên ký kết được yêu cầu không thể dẫn độ người bị yêu cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt giữ và thông báo cho Bên ký kết kia biết, thì người đó có thể được thả tự do.

Điều 38

Dẫn độ theo yêu cầu của nhiều nước

Trong trường hợp nhiều nước cùng yêu cầu dẫn độ một người thì Bên ký kết được yêu cầu có quyền quyết định sẽ ưu tiên dẫn độ người đó cho nước nào, trên cơ sở cân nhắc đến nơi thực hiện tội phạm, hậu quả do tội phạm gây ra, quốc tịch của người phạm tội bị yêu cầu chuyển giao, tính chất nguy hiểm của tội phạm.

Tuy nhiên, nếu người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của Bên ký kết nào thì được ưu tiên chuyển giao cho Bên ký kết ấy.

Điều 39

Thủ tục dẫn độ

1. Bên ký kết được yêu cầu dẫn độ phải thông báo cho Bên ký kết kia về địa điểm và thời gian dẫn độ.
2. Bên ký kết yêu cầu dẫn độ phải cử người áp giải.

Điều 40

Giới hạn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ

1. Người bị dẫn độ sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án vì một tội phạm khác ngoài hành vi phạm pháp là căn cứ để dẫn độ.
2. Nếu không có sự đồng ý của Bên ký kết được yêu cầu chuyển giao, người này không thể bị dẫn độ cho nước thứ ba.
3. Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng với người bị dẫn độ trong trường hợp người đó không rời khỏi lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu trong thời hạn một tháng kể từ ngày người đó được thông báo phải rời khỏi lãnh thổ nước này hoặc quay trở về nước.

Điều 41

Chuyển giao đồ vật

1. Bên ký kết được yêu cầu sẽ chuyển giao cho Bên ký kết yêu cầu những đồ vật dùng làm phương tiện phạm tội, tiền, các vật có giá trị do phạm tội mà có và những đồ vật khác có liên quan đến tội phạm.
2. Các Bên ký kết áp dụng các biện pháp cụ thể để trả lại đồ vật đã được chuyển giao cho những người có quyền nhận các đồ vật đó sau khi kết thúc vụ án.
3. Bên ký kết được yêu cầu có thể tạm hoãn chuyển giao đồ vật cho tới khi kết thúc điều tra vụ án nếu những đồ vật này là vật chứng trong một vụ án hình sự khác.
4. Những đồ vật được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này không phải nộp thuế.

Điều 42

Cho phép quá cảnh

Bên ký kết này cho phép dẫn giải tội phạm từ nước thứ ba qua lãnh thổ nước mình theo yêu cầu của Bên ký kết kia.

Điều 43

Chi phí dẫn độ và quá cảnh

1. Chi phí cho việc bắt, tạm giữ người bị dẫn độ, tiền ăn, tiền lưu trú, tiền đi đường cũng như chi phí chuyển giao đồ vật do Bên ký kết được yêu cầu chịu cho tới khi dẫn độ người đó cho Bên ký kết yêu cầu và Bên ký kết yêu cầu chịu cho tới khi người đó được trở về nước.
2. Chi phí của việc quá cảnh sẽ do Bên ký kết yêu cầu chịu.

Điều 44

Thông báo về việc thi hành

1. Bên ký kết này có nghĩa vụ gửi văn bản thông báo cho Bên ký kết kia về kết quả của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ hoặc về hình phạt áp dụng với người đó có kèm theo văn bản quyết định.
2. Nếu người bị dẫn độ phải chịu hình phạt tù, nước tuyên án phải thông báo về

thời hạn thi hành án, hoặc về việc người đó chết khi đang thi hành án và những sự kiện đặc biệt khác.

Điều 45

Nghĩa vụ truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Bên ký kết này, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, có nghĩa vụ truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước mình đối với công dân nước mình đã phạm tội trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.
2. Bên ký kết đã tiến hành các thủ tục tố tụng phải thông báo cho Bên ký kết kia về kết quả truy cứu trách nhiệm hình sự và trong trường hợp người đó bị kết án phải gửi cho Bên ký kết kia bản sao có hiệu lực pháp luật.

CHƯƠNG III

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 46

Giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp phát sinh trong việc áp dụng hoặc giải thích Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng cách tư vấn lẫn nhau thông qua kênh ngoại giao hoặc các cơ quan tư pháp.

Điều 47

Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này cần được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực vào ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn.
2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 10 năm. Hiệu lực của Hiệp định sẽ tự động kéo dài thời hạn trong khoảng thời gian 5 năm, trừ trường hợp một Bên ký kết thông báo bằng văn bản trong thời hạn 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn nêu trên về ý muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Để làm bằng, những người được uỷ quyền của từng Nhà nước dưới đây đã ký vào Hiệp định này.

Làm tại Đỉnh Nhượng, ngày 3... tháng 5... năm 2002, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Triều Tiên và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp phát sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này thì căn cứ vào bản tiếng Anh.

Thay mặt Cộng hoà xã hội chủ
nghĩa Việt Nam

Thay mặt Cộng hoà Dân chủ Nhân
dân Triều Tiên



Nguyễn Đình Lộc

Kim Pyong Ryul